

听后选词填空

Nghe và chọn đáp án đúng

例如:

A: 老师, 早上 好!
Lǎoshī, zǎoshang
hǎo!

B: 你好。
Nǐ hǎo.

下午
xiàwǔ

晚上
wǎnshang

1



A: 老师, _____ 好!
Lǎoshī, _____ hǎo!

B: 你好。
Nǐ hǎo.

2



A: 老师, _____ 好!
Lǎoshī, _____ hǎo!

B: 你好。
Nǐ hǎo.

不谢
bù xiè

不用谢
bù yòng xiè

1



A: 谢谢!
xièxiè!

B: _____。
_____.

2



A: 谢谢!
xièxiè!

B: _____。
_____.

